TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2018
V/v *xin ly hôn giữa*
Bà Nh - Ông Kh

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Đức**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Đào Duy Thiều.**

- Bà **Vũ Thị Ngân**.

- Th- ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Khánh Vi**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hiền**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 308/2017/HNGĐ-ST ngày 30/11/2017 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-ST ngày 01/3/2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Vũ Hạ, xã An Vũ, huyện P, tỉnh B.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đình Kh**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn MT, xã AQ, huyện P, tỉnh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 21/5, đường Ơ, khu phố 6, thành phố D1, tỉnh BD.

(*Tại phiên tòa có mặt ông Kh, bà Nh, ông T có đơn xin xử án vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đ- ợc bổ sung bằng bản tự khai ngày 30/11/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà và ông Kh tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã AQ, huyện P vào năm 1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã AQ và đi làm ăn tự do tại miền nam. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Thời điểm ngày ngày 08/3/2014 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị đ- ợc ly hôn ông Kh.

- Về con chung: Bà Nh khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 11/7/1998 và Nguyễn Đình A, sinh ngày 22/12/2007. Con lớn đã tr- ởng thành không đặt trách nhiệm nuôi d- ỡng. Bà đề nghị đ- ợc nhận trực tiếp nuôi d- ỡng con chung Nguyễn Đình A và không yêu cầu ông Kh cấp d- ỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nhkhai vợ chồng không có tài sản chung,không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Đình Kh: Ông xác nhận lời khai của bà Nh về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn nh- bà Nhđã khai ông còn cho rằng bà Nh có quan hệ nam nữ bất chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, nh- ng ông xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông xin đ- ợc đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 2 con chung nh- bà Nh đã khai, ly hôn xảy ra ông đề nghị đ- ợc nuôi con Nguyễn Đình A và không yêu cầu bà Nhcấp d- ỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Kh khai vợ chồng không có tài chung.

Về nợ chung: tại phiên hòa giải lần 1 ông Kh khai vợ chồng hiện còn nợ ông Nguyễn Đình T (*Anh trai ông Kh*) 320.000.000đ. Tại phiên hòa giải lần 2, ông rút yêu cầu về số nợ này.

Đối với ng- ời có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T: Tòa án huyện P đã ủy thác điều, tại biên bản lấy lời khai, ông T xác nhận thời gian ông Kh và bà Nh còn đoàn tụ, ông có cho ông Kh và bà Nh vay số tiền

320.000.000 đồng. Nay ông Kh và bà Nhly hôn, ông không yêu cầu giải quyết số nợ trên và đề nghị xin đ- ợc vắng mặt tại tòa án P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên toà hôm nay việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, th- ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn và bị đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. đối với ng- ời có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên viện kiểm sát không đ- a ra quan điểm chấp hành pháp luật của ng- ời có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Về quan hệ hôn nhân xử cho bà Nhđ- ợc ly hôn ông Kh vì mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên sống ly thân thời gian dài. Về quan hệ con chung xử giao con chung Nguyễn Đình A cho bà Nh đ- ợc trực tiếp nuôi d- ỡng. Bà Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Bị đơn có nơi c- trú và Đăng ký nhân khẩu th- ờng trú tại Thôn MT, xã AQ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ng- ời có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T có đơn xin xử án vắng mặt, Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[2].Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Nhvà ông Nguyễn Đình Kh đ- ợc xác lập trên cở sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AQ, huyện P vào năm 1997 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả hai sinh sống tại xã AQ và sau đó đi làm ăn tự do tại miền nam. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống đã phát sinh mâu

thuẫn. Tháng 3/2014 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên trở về quê sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Nhđề nghị tình cảm vợ chồng không còn đề nghị xin đ- ợc ly hôn , đối với ông Kh đề nghị tình cảm vợ chồng vẫn còn và xin đ- ợc đoàn tụ.

Quá trình tố tụng, Toà án đã nhiều lần hoà giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nh- ng bản thân bà Nhcự tuyệt tình cảm và một mực đề nghị xin đ- ợc ly hôn ông Kh. Đối với ông Kh mặc dù đề nghị xin đ- ợc đoàn tụ, nh- ng quá trình tòa án giải quyết vụ án, ông Kh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Ngoài ra ông Khiên còn cho rằng bà Nhcó quan hệ nam nữ bất chính, nh- ng trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ông Kh cũng không xuất trình đ- ợc chứng cứ nào chứng minh. Qua điều tra, xác minh cơ sở xã AQ và xã AV đều cho thấy cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa bà Nhvà ông Kh phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân thời gian dài, đề nghị Tòa án hòa giải để hai bên trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của bà Nh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nh vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị xin đ- ợc ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà Nhvà ông Kh đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Nhâm, xử cho bà Nhđ- ợc ly hôn ông Kh là có căn cứ.

[3].Về con chung: Xét yêu cầu của các bên về nuôi d- ỡng con chung cho thấy ông Kh và bà Nhcó 02 con chung, con chung Nguyễn Thị Ng, sinh ngày11/7/1998 hiện đã tr- ởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi d- ỡng. Đối với con chung Nguyễn Đình A, sinh ngày 22/12/2007 cả ông Kh và bà Nh đều đề nghị xin đ- ợc nuôi d- ỡng và không yêu cầu cấp d- ỡng nuôi con chung. Quá trình xác minh và điều tra tại cơ sở xã An Vũ, xã AQ và tr- ờng tiểu học xã AQ cho thấy quá trình cháu Nguyễn Đình A sinh sống, học tập tại xã AQ bà Nh vẫn th- ờng xuyên đi lại thăm nom và đóng tiền học phí cho con chung. Tại biên bản ghi lời khai cháu Nguyễn Đình A có sự giám hộ của ông Kh và bà Nhcháu A có nguyện vọng xin đ- ợc ở với bà Nh. Bản thân cháu A cũng có đơn (*Có xác nhận của tr- ờng tiểu học xã AQ*) đơn gửi Tòa án đề nghị xin đ- ợc ở với bà Nhâm. Vì vậy cần chấp nhận yêu

cầu của bà Nhvề nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản: Bà Nhvà ông Kh đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung. Ng- ời có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết về nợ, vì vậy về phần tài sản chung và nợ Tòa án không xét.

[5].Về án phí: Bà Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban th- ờng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn ông Nguyễn Đình Kh.

2.Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Đình A, sinh ngày 22/12/2007 cho bà Nh được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nh không yêu cầu ông Kh cấp d- ỡng nuôi con chung.

Ông Kh có quyền đi lại thăm nom con chung.

3.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà Nh đã nộp theo biên lai thu số 0003485 ngày 30/11/2017 thành tiền án phí.

4. **Về quyền kháng cáo**: Bà Nhvà ông Kh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngàynhận đ- ợc tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện P.*
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Đức *(đã ký)*